TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17/7/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Đặng Thị Thảo Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Văn Tư

Ông Phạm Trung Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Phan Thị Huỳnh N**, sinh năm 1995 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Thanh T trình bày: Năm 2014 anh và chị Phan Thị Huỳnh N được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Tân, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 32/2014, ngày 07/11/2014. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N có quan hệ tình cảm với người khác nên anh và chị N sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay. Do vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với chị N.

Con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Cao Đ, sinh ngày 27/8/2017 và Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 22/7/2019. Hiện tại hai cháu do anh trực tiếp nuôi dưỡng nên anh yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2024 chị Phan Thị Huỳnh N trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung đúng như anh Tường trình bày, thời gian vợ chồng chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn nên chị đồng ý ly hôn với anh Tường.

Con chung: Hiện tại chị đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam An Phước đóng tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương không đủ điều kiện nuôi con nên chị đồng ý giao hai con chung cho anh Tường trực tiếp nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phát biểu về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Tường ly hôn với chị N; Con chung: Giao 02 con chung tên Trần Cao Đ, sinh ngày 27/8/2017 và Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 22/7/2019 cho anh Tường trực tiếp nuôi, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Tường có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với chị N, nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Tường và chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Tường, chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 2014 anh Tường, chị N xác lập quan hệ hôn nhân năm trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Tân, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 32/2014, ngày 07/11/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân anh Tường yêu cầu ly hôn là do chị N có quan hệ tình cảm với người khác nên anh và chị N sống ly thân từ

tháng 9/2023 đến nay. Xét thấy, anh Tường và chị N sống ly thân đã lâu nhưng vẫn không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ. Hơn nữa, anh Tường cũng xác định hiện tại anh không còn tình cảm với chị N, còn chị N thì cũng đồng ý ly hôn với anh, điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc và không ai muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, nên yêu cầu ly hôn của anh Tường là có cơ sở chấp nhận.

[3] Con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Cao Đ, sinh ngày 27/8/2017 và Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 22/7/2019. Khi ly hôn anh Tường yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại đơn xác nhận điều kiện nuôi con ngày 12/6/2024, thì hai con chung hiện tại do anh Tường trực tiếp nuôi dưỡng và đang được chăm sóc tốt, anh Tường có công việc, thu nhập ổn định và đủ điều điện để nuôi hai con chung. Mặt khác, chị N đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam An Phước đóng tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương không đủ điều kiện nuôi con nên chị cũng đồng ý giao hai con chung cho anh Tường trực tiếp nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử giao hai con chung cho anh Tường nuôi là đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của hai cháu. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Tường không yêu cầu.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Anh Tường, chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Tường phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thanh T.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Thanh T được ly hôn với chị Phan Thị Huỳnh N.

2. Con chung: Giao 02 con chung tên Trần Cao Đ, sinh ngày 27/8/2017 và Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 22/7/2019 cho anh Trần Thanh T trực tiếp nuôi, chị Phan Thị Huỳnh N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Trần Thanh T không yêu cầu.

Chị Phan Thị Huỳnh N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Án phí: Anh Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015097 ngày 18 tháng 3 năm 2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh Trần Thanh T đã thi hành xong phần án phí.

4. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnhTiền Giang;
- VKSND Cái Bè;
- CCTHADS Cái Bè;
- UBND xã Mỹ Tân, H. Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thảo Lan